VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 40, No. 3 (2024) 48-58

VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/LS

Original Article

Provisions on Complicity in the Criminal Code 2015 and Practical Issues

Nguyen Kim Chi*

Ha Noi Law University, 87 Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi, Vietnam

Received 15 January 2024
Revised 14 June 2024; Accepted 25 December 2024

Abstract: Crime committed in the form of complicity causes serious consequences for society. Simultaneously, such crimes are easier to evade and conceal, making them more difficult for the authorities to detect. Based on evaluating the current provisions on complicity in the Criminal Code 2015 (amended in 2017), the article clarifies a number of theoretical issues regarding complicity and proposes legal solutions to practical problems. These solutions shall contribute to establishing a solid legal basis to prevent and combat crime in the form of complicity, including its special forms - "organized crime"- an urgent requirement in the forthcoming period.

Keywords: Crime, complicity, organized crime, Criminal Code.

* Corresponding author.
E-mail address: nguyenkimchi.law@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4612

Quy định về đồng phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và những vấn đề thực tiễn đặt ra

Nguyễn Kim Chi*

Trường Đại học Luật Hà Nội, 87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 01 năm 2024
Chỉnh sửa ngày 14 tháng 6 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 12 năm 2024

Tóm tắt: Tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm luôn gây ra hậu quả lớn cho xã hội. Đồng, thời việc trốn tránh, che giấu các tội phạm này cũng dễ dàng hơn và khả năng để các cơ quan chức năng phát hiện khó hơn. Vì vậy, trên cơ sở đánh giá thực trạng quy định về đồng phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015), bài viết làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về đồng phạm và đề xuất giải pháp cho những vấn đề thực tiễn đặt ra cấp bách trong giai đoạn tới. Những giải pháp này góp phần xây dựng cơ sở pháp lý vững chắc nhằm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm dưới hình thức đồng phạm và dạng đặc biệt của đồng phạm - "phạm tội có tổ chức".

Từ khóa: Tội phạm, đồng phạm, phạm tội có tổ chức, Bộ luật Hình sự.

1. Nhận thức khoa học về đồng phạm

1.1. Khái niệm đồng phạm

Đồng phạm là trường hợp trong vụ án hình sự có hai người trở lên đáp ứng điều kiện về chủ thể của tội phạm cố ý cùng tham gia vào việc thực hiện một hay nhiều tội phạm do cố ý[1].

Thực tế, tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm luôn có khả năng gây ra hậu quả lớn cho xã hội, đồng thời việc che đậy, trốn tránh cũng dễ dàng hơn, cũng như khả năng để các cơ quan chức năng phát hiện khó hơn khi nhóm tham gia đã có kế hoạch, chuẩn bị, bàn bạc và lên phương án tối ưu để thực hiện. Vì vậy, việc chủ động đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm và dạng đặc biệt của đồng phạm có mức độ nguy hiểm cao cho xã hội - "phạm tội có tổ chức" luôn là đòi hỏi cấp bách và cần thiết [1].

1.2. Các dấu hiệu khách quan và chủ quan của đồng phạm

Lý luận và thực tiễn xét xử đã chỉ ra các dấu hiệu khách quan và chủ quan của đồng phạm được thừa nhận chung như sau:

1.2.1. Dấu hiệu khách quan

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: nguyenkimchi.law@gmail.com
https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4612

[1] Cần lưu ý là mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không thể hiện rõ đồng phạm đối với pháp nhân (thương mại), nhưng điểm a khoản 1 Điều 85 về "Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại" nêu: "1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: a) Câu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội…", vì vậy khái niệm trên vẫn là nghiên cứu căn cứ trên cơ sở Bộ luật Hình sự năm 2015, còn về mặt lập pháp, rõ ràng nghiên cứu bổ sung trong khái niệm đồng phạm hoặc xây dựng một điều luật về đồng phạm của pháp nhân thương mại hoặc lý giải cụm từ "người" ở đây bao gồm cá nhân và pháp nhân thương mại. Tác giả sẽ kiến nghị về nội dung này ở mục 3.

i) Có sự tham gia của ít nhất hai người trở lên đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm vào việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm

Đây là đặc điểm phản ánh "quy mô" của đồng phạm và không thể thiếu khi xác định đồng phạm. Ngoài ra, những người tham gia thực hiện tội phạm trong đồng phạm đều phải đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm. Lưu ý, trường hợp nào trong cấu thành tội phạm có đòi hỏi dấu hiệu đặc biệt thì riêng người thực hành phải có thêm dấu hiệu "chủ thể đặc biệt" (ví dụ như tội tham ô tài sản hay tội nhận hối lộ,... thì riêng đối với người thực hành phải có dấu hiệu "có chức vụ, quyền hạn").

ii) Có sự cùng chung liên hiệp (hay liên kết, phối hợp, hợp tác) hành động của những người tham gia vào việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm

Đây là đặc điểm phản ánh sự cùng chung hành động của những người tham gia vào việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm, từ đó, nhằm đạt được kết quả phạm tội thống nhất [2].

1.2.2. Dấu hiệu chủ quan

i) Có sự cùng cố ý trong những người đồng phạm

Đặc điểm này có tính bắt buộc và đặc trưng của đồng phạm và tương tự như đặc điểm về "quy mô" thuộc khách quan thì đặc điểm chủ quan này cũng vậy, nếu thiếu sẽ không có đồng phạm: Về lý trí, mỗi người đồng phạm đều nhận thức được hành vi của mình có tính chất nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó và giữa những người đồng phạm đều phải biết được hoạt động phạm tội của lẫn nhau và các người đồng phạm cùng hành động (hoặc tham gia) với mình; còn về ý chí, mặc dù nhận thức được cùng nhau như vậy, song những các người đồng phạm vẫn thực hiện hành vi của mình vì họ mong muốn có hoạt động phạm tội chung, kết quả chung, có mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

ii) Mục đích phạm tội - kết quả chung và cuối cùng đều được những người trong đồng phạm mong muốn thống nhất phải đạt được

Đây là đặc điểm phản ánh mỗi người đồng phạm có thể có động cơ khác nhau, nhưng mục đích phạm tội là kết quả chung thì những người trong đồng phạm đều muốn. Lưu ý, trường hợp đồng phạm các tội phạm đòi hỏi có mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc, thì những người đồng phạm cũng phải có cùng mục đích phạm tội đó (hoặc tiếp nhận mục đích phạm tội đó) [3, 4].

2. Quy định về đồng phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015

2.1. Định nghĩa pháp lý về đồng phạm

Năm 1985, Quốc hội ban hành Bộ luật Hình sự đầu tiên của nước ta - pháp điển hóa luật hình sự lần thứ nhất. Khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 1985 đã quy định: "Hai hoặc nhiều người cố ý cùng thực hiện một tội phạm là đồng phạm".

Đến pháp điển hóa luật hình sự lần thứ hai - Bộ luật Hình sự năm 1999, cơ quan lập pháp tiếp tục kế thừa quy định về đồng phạm của năm 1985, đồng thời tách quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm để xây dựng thành một điều độc lập (Điều 53).

Và đến pháp điển hóa luật hình sự lần thứ ba - Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 17 quy định: "Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm". Tuy nhiên, một điểm mới quan trọng trong chính sách hình sự là Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là "pháp nhân thương mại" và có quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại - "câu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội" (điểm a khoản 1 Điều 85) nhưng lại chưa thể hiện rõ vấn đề này.

2.2. Những loại người đồng phạm

Căn cứ vào tính chất sự tham gia của mỗi người vào việc thực hiện tội phạm, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã chia ra thành bốn loại người đồng phạm - người thực hành, người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức.

2.2.1. Người thực hành

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Trực tiếp thực hiện tội phạm là việc người phạm tội trực tiếp thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong mặt khách quan của tội phạm như: trực tiếp nhận tiền hối lộ, trực tiếp cầm súng bắn người khác,... Cho dù quy mô của tội phạm lớn hay nhỏ, giản đơn hay phức tạp (phạm tội có tổ chức) thì phải có người thực hành (hoặc đồng thực hành) và người thực hành đóng vai trò "trung tâm" trong quá trình thực hiện tội phạm [5]. Nói cách khác, thiếu hành vi của người thực hành thì không có đồng phạm [6]. GS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa gọi hành vi phạm tội "trực tiếp" là hành vi phạm tội "gốc" [7] và cũng liệt kê các dạng hành vi phạm tội khác và gọi là "hành vi phái sinh", trong đó có hành vi tác động trực tiếp đến việc thực hiện hành vi phạm tội của tội cụ thể, gồm hành vi tổ chức, hành vi xúi giục và hành vi giúp sức cho việc thực hiện hành vi phạm tội của tội cụ thể" [7].

Thực tiễn, người thực hành được thể hiện dưới hai dạng sau được thừa nhận chung: Người trực tiếp thực hiện tội phạm (đã nêu) hoặc người sử dụng một người khác trong khi họ chưa (không) đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm (tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tình trạng năng lực trách nhiệm hình sự) như là công cụ để thực hiện tội phạm, thì người sử dụng chủ thể trên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người thực hành ở dạng thứ hai (nhưng chưa được ghi nhận trong Bộ luật Hình sự năm 2015 hiện hành về nội dung này) [5].

2.2.2. Người tổ chức

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Trong vụ án đồng phạm, người tổ chức có thể có những hành vi như: đề xuất, nêu, khởi xướng việc phạm tội; xây dựng kế hoạch thực hiện và kịch bản che giấu tội phạm; khuyến khích, chào mời người khác cùng thực hiện tội phạm; giao nhiệm vụ và điều phối phân công cho từng người đồng phạm;... [5]. Thực tiễn tùy thuộc vào "quy mô" mà người tổ chức có thể đóng cả ba vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm hoặc họ chỉ thực hiện một trong các vai trò tương ứng trên, còn vai trò khác do mỗi người đồng phạm khác đảm nhiệm [5].

2.2.3. Người xúi giục

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Ở đây, hành vi của người xúi giục chỉ được coi là người đồng phạm trong vụ án khi hành vi xúi giục của chủ thể có liên quan trực tiếp và mật thiết đến toàn bộ hoạt động phạm tội của những người đồng phạm khác (có mối quan hệ lẫn nhau trong dấu hiệu cùng cố ý). Trước khi bị xúi giục, một người nào đó chưa có ý định phạm tội, vì có người khác xúi giục nên họ mới "nảy sinh", sau đó tiếp đến là thực hiện hành vi phạm tội... với các thủ đoạn đã mô tả (kích động, dụ dỗ, lừa gạt, cưỡng ép,...). Dưới góc độ thực tiễn, nhà hoạt động thực tiễn lâu năm, ThS. Đinh Văn Quế đã viết: "hành vi xúi giục phải cụ thể, tức là người xúi giục phải nhằm vào tội phạm cụ thể và người phạm tội cụ thể, nếu chỉ có lời nói có tính chất thông báo hoặc gợi ý chung chung thì không phải là người xúi giục và không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của người thực hiện tội phạm..."[8].

2.2.4. Người giúp sức

Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

Người giúp sức và vai trò của người này cũng thể hiện mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nếu không có người giúp sức thì người thực hiện tội phạm sẽ gặp khó khăn. Giúp sức có thể bằng cách thức khác nhau như: cung cấp công cụ, phương tiện phạm tội (cho mượn dao, súng, xe máy,...) nhưng có thể chỉ là hướng dẫn cách thoát thân trong quá trình thực tiễn (chỉ lối thoát hiểm hoặc khắc phục những điều kiện khó khăn hoặc cách xóa dấu vết,... Còn hành vi tạo những điều kiện về tinh thần thường được biểu hiện như hứa hẹn sẽ che giấu hoặc hứa ban phát cho người phạm tội một lợi ích tinh thần nào đó. Lưu ý, dù có tạo điều kiện tinh thần hay vật chất cho việc thực hiện tội phạm thì hành vi đó cũng chỉ tạo điều kiện dễ dàng hơn cho việc thực hiện tội phạm chứ người này không trực tiếp thực hiện tội phạm như người thực hành.

2.3. Phạm tội có tổ chức

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công cụ thể giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

"Phạm tội có tổ chức" là một hình thức đồng phạm đặc biệt, đòi hỏi phải có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 (đã hết hiệu lực) đã lưu ý sự khác nhau giữa phạm tội có tổ chức và trường hợp đồng phạm:

- Trong phạm tội có tổ chức và những trường hợp đồng phạm khác đều phải có từ 02 người trở lên cố ý cùng tham gia phạm tội và có sự nhất trí của những người cùng thực hiện tội phạm. Nếu cùng thực hiện tội phạm mà không có sự nhất trí thì không phải là đồng phạm, ví dụ: Nhiều người cùng vào hôi của ở một nhà bị cháy, nhưng không có bàn bạc trước hoặc xúi giục nhau phạm tội.

- Nói chung, trong các trường hợp đồng phạm những người phạm tội thường có bàn bạc trước và sự phân công thực hiện tội phạm, nhưng không phải bắt cứ trường hợp nào có bàn bạc trước và có phân công thực hiện tội phạm đều là phạm tội có tổ chức, vì phạm tội có tổ chức phải có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Vì vậy, nếu việc thực hiện tội phạm giản đơn, không đòi hỏi phải có sự tính toán và chuẩn bị kỹ càng, chu đáo thì không phải là phạm tội có tổ chức, ví dụ: Hai thanh niên muốn có tiền tiêu, nên rủ nhau đi ăn cắp xe đạp, khi gặp người để xe sơ hở đã phân công một người canh gác và một người lấy xe,...

2.4. Các nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

2.4.1. Nguyên tắc chung - những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ tội phạm đã xảy ra

Nguyên tắc này xuất phát từ dấu hiệu khách quan, vì đồng phạm về tính chất liên kết hành vi cùng thực hiện một tội phạm, hành vi của mỗi người đồng phạm đều là nguyên nhân gây ra hậu quả chung. Ngoài ra, những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về một tội phạm mà họ đã thực hiện, đều bị áp dụng hình phạt của tội phạm mà tất cả người đồng phạm đã cùng thực hiện, đều phải chịu trách nhiệm về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nếu có, đều bị áp dụng nguyên tắc chung về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xác định hình phạt... trên cơ sở chung. Vấn đề trách nhiệm hình sự chung trong đồng phạm cũng được hướng dẫn tại Án lệ số 01/2016/AL [9][2].

2.4.2. Nguyên tắc riêng - Mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về việc cùng thực hiện tội phạm

Trách nhiệm hình sự độc lập về việc cùng thực hiện tội phạm ở chỗ: mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đến đâu thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm đến đó, không "bình quân hóa" [10]. Nguyên tắc là người đồng phạm này không phải chịu trách nhiệm hình sự về sự vượt quá của người đồng phạm khác (khoản 4 Điều 17). Đặc biệt, những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được áp dụng riêng với người đồng phạm nào có tình tiết đó. Cùng với đó, như đã đề cập, riêng đối với những tội phạm đòi hỏi chủ thể tội phạm phải có dấu hiệu đặc biệt (tội

[2] Án lệ số 01/2016/AL hướng dẫn như sau "Trong vụ án có đồng phạm, nếu chứng minh được ý thức chủ quan của người chủ mưu là chỉ thuê người khác gây thương tích cho người bị hại mà không có ý định tước đoạt tính mạng của họ (người chủ mưu chỉ yêu cầu gây thương tích ở chân, tay của người bị hại mà không yêu cầu tấn công vào các phần trọng yếu của cơ thể có khả năng dẫn đến chết người); người thực hành cũng đã thực hiện theo đúng yêu cầu của người chủ mưu; việc nạn nhân bị chết nằm ngoài ý thức chủ quan của người chủ mưu thì người chủ mưu phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung là "gây thương tích dẫn đến chết người". Như vậy, những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm đã xảy ra. Người chủ mưu, người thực hành đều bị truy tố, xét xử về một tội phạm mà họ đã thực hiện, đều bị áp dụng hình phạt của tội phạm mà tất cả người đồng phạm đã cùng thực hiện,

phạm có chủ thể đặc biệt) thì chỉ đòi hỏi bắt buộc người thực hành có dấu hiệu chủ thể đặc biệt. Vấn đề trách nhiệm hình sự độc lập cũng được hướng dẫn tại Án lệ số 17/2018/AL [11][3].

2.5. Những hành vi liên quan đến tội phạm cấu thành các tội phạm độc lập

Những hành vi liên quan đến tội phạm cấu thành các tội phạm độc lập bao gồm hành vi che giấu tội phạm và không tố giác tội phạm, được nhận thức như sau:

2.5.1. Che giấu tội phạm

Che giấu tội phạm là việc một người không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự về những trường hợp trên cơ sở chung do Bộ luật Hình sự quy định.

Cần lưu ý là chính sách hình sự của Nhà nước ta nêu rõ: người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định do Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.5.2. Không tố giác tội phạm

Không tố giác tội phạm là việc một người biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác và phải chịu trách nhiệm hình sự về những trường hợp trên cơ sở chung do Bộ luật Hình sự quy định.

Tương tự, chính sách hình sự của Nhà nước ta nêu rõ, người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngoài ra, có một trường hợp đặc biệt khác, Bộ luật Hình sự năm 2015 còn quy định người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp không tố giác tội phạm do chính người mà mình bào chữa đã thực hiện hoặc đã tham gia thực hiện mà người bào chữa biết được khi thực hiện nhiệm vụ bào chữa, trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3. Những vấn đề thực tiễn đặt ra khi thi hành quy định về đồng phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và định hướng giải pháp khắc phục

Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận về đồng phạm, đánh giá thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về đồng phạm, cũng như xuất phát từ thực tiễn, tác giả nhận thấy có những vấn đề thực tiễn đặt ra khi thi hành quy định về đồng phạm trong Bộ luật này và đề xuất định hướng giải pháp khắc phục như sau:

[3] Án lệ số 17/2018/AL hướng dẫn như sau: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, các đồng phạm đã rủ nhau đánh dằn mặt bị hại. Khi thực hiện tội phạm, người thực hành dùng mã tấu chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, chân, tay của bị hại; việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của người thực hành. Người xúi giục không có mặt khi người thực hành thực hiện tội phạm, không biết việc người thực hành sử dụng mã tấu chém vào những vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại nhưng đã để mặc cho hậu quả xảy ra..Trường hợp này, người thực hành phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Giết người" với tình tiết định khung là "Có tính chất côn đồ". Người xúi giục bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Giết người" nhưng không bị áp dụng tình tiết định khung "Có tính chất côn đồ". Như vậy, người xúi giục không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của người thực hành. Bởi vì họ không biết về hành vi mà người thực hành đã thực hiện quá yêu cầu. Tình tiết định khung tăng nặng chỉ áp dụng riêng đối với người có hành vi vượt quá này.

3.1. Định nghĩa pháp lý về đồng phạm và vấn đề đồng phạm trong pháp nhân thương mại phạm tội

3.1.1. Định nghĩa pháp lý về đồng phạm

Khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 định nghĩa: "*Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*" tuy nhiên, khái niệm này vẫn chưa phản ánh ba nội dung sau:

i) Cụm từ "cùng thực hiện" mới phản ánh trường hợp đồng phạm đơn giản và vai trò ở đây chủ yếu là người "đồng thực hành" chứ chưa thể hiện vai trò tham gia của các loại người đồng phạm khác còn lại (người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức) trong khi thực tế, tùy vào quy mô của tội phạm, họ chỉ "*cùng tham gia thực hiện*" (theo cách gọi của GS. TSKH. Lê Văn Cảm) [12], như một người đang sống ở Mỹ có thể dùng tiền thuê một người ở Việt Nam giết một người nào đó, rõ ràng, họ chỉ cùng tham gia thực hiện, chứ không trực tiếp "cùng thực hiện".

ii) "*Cùng thực hiện một tội phạm*" cần được nêu rõ ở đây là một hoặc nhiều tội phạm, đồng thời một hoặc nhiều tội phạm này phải do cố ý, còn nếu tội phạm này do vô ý, thì đương nhiên không thể có đồng phạm dù cùng thực hiện một tội phạm,...

3.1.2. Về vấn đề đồng phạm đối với pháp nhân thương mại

Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 không quy định rõ nhưng tại điểm a khoản 1 Điều 85 về "Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại" trong Bộ luật Hình sự năm 2015 nêu: "1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: a) Câu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội…", vì vậy cần bổ sung trong khái niệm đồng phạm hoặc xây dựng một điều luật về đồng phạm của pháp nhân thương mại hoặc lý giải cụm từ "người" ở đây được hiểu là cá nhân và pháp nhân thương mại [2] để làm rõ ba trường hợp đồng phạm giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với pháp nhân thương mại và giữa pháp nhân thương mại với nhau [13][4].

3.2. Những loại người đồng phạm và vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm

3.2.1. Những loại người đồng phạm

i) GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa kiến nghị bổ sung thêm quy định về người đồng thực hiện, người xúi giục, người giúp sức và người tổ chức thực hiện tội phạm cố ý [14]. Tác giả nhận thấy cần thiết quy định thêm và có tên gọi là người đồng phạm (theo cách kiến nghị của TS. Trần Quang Tiệp) [6].

ii) Về Chương XIII - "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia", tác giả nhận thấy nhà lập pháp còn sử dụng tên gọi "người hoạt động đắc lực" (ví dụ khoản 1 Điều 109, khoản 1 Điều 111,…) nhưng chưa có văn bản giải thích, nhưng mà về lý thuyết, đây chính là "người thực hành" tham

[4] Chúng tôi tán thành với quan điểm của Luật sư, PGS.TS. Phạm Hồng Hải khi quan niệm: "mặc dù là thực thể trừu tượng nhưng pháp nhân được con người lập ra và hoạt động của nó (hành vi khách quan) chỉ có thể thực hiện được thông qua những con người cụ thể. Những con người đó hoặc là chỉ huy, lãnh đạo hoặc là đại diện của pháp nhân. Khi những người này thực hiện nghĩa vụ hoặc nhiệm vụ của pháp nhân thì ý chí và hành vi của họ được coi là ý chí và hành vi của pháp nhân" [13, tr. 16]. Ngoài ra, Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định về bốn điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, có đề cập đến ba điều kiện - hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại. Như vậy, rõ ràng những điều kiện này vừa là cơ sở để xác định hành vi nào được coi là hành vi của pháp nhân, đồng thời còn là cơ sở để xác định lỗi của pháp nhân, từ đó làm cơ sở, căn cứ để buộc tội pháp nhân thương mại. Sự thống nhất lý trí và ý chí của những người nhân danh pháp nhân, đại diện cho pháp nhân thực hiện hành vi mang lại lợi ích cho pháp nhân sẽ hợp thành lý trí và ý chí của pháp nhân thương mại nên chính.

gia tích cực vào việc thực hiện tội phạm nên cần có sự lý giải rõ [5];

c) Như đã đề cập, thực tế, người thực hành được thể hiện dưới hai dạng (trực tiếp hoặc gián tiếp), song dưới góc độ lập pháp hình sự, vấn đề này chưa được điều chỉnh, kinh nghiệm một số Bộ luật Hình sự các nước đã có điều chỉnh có thể tham khảo như khoản 2 Điều 33 Bộ luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010, 2019 [15],...

3.2.2. Vấn đề tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm

Điều này đúng như GS.TSKH. Lê Văn Cảm đã từng đề cập và đến pháp điển hóa luật hình sự lần thứ ba - Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa làm rõ vấn đề miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đối với cả ba người đồng phạm khác bao gồm [16]: Người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức (tuy nhiên, vấn đề này đã từng được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự"), nhưng rõ ràng cần thiết phải quy định vào Bộ luật Hình sự để áp dụng thống nhất hoặc nếu không phải có văn bản hướng dẫn thay thế Nghị quyết (đã nêu) [17] vì Nghị quyết này đã được ban hành từ rất lâu và hướng dẫn Bộ luật Hình sự năm 1985, đến nay vẫn chưa có văn bản thay thế khi đã ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Vấn đề nguyên tắc chung trong đồng phạm - chịu trách nhiệm hình sự về cùng tội danh

Xác định tội danh trong đồng phạm một nguyên tắc chung đã nêu, trong vụ án đồng phạm, tất cả những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ tội phạm đã xảy ra. Nguyên tắc này xuất phát từ đặc điểm phản ánh dấu hiệu khách quan, vì đồng phạm về tính chất liên kết hành vi cùng thực hiện một tội phạm, hành vi của mỗi người đồng phạm đều là nguyên nhân gây ra hậu quả chung. Ngoài ra, những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về một tội phạm mà họ đã thực hiện nhưng giữa những người đồng phạm có người lại "chuyển hóa tội danh".

Ví dụ vấn đề chuyển hoá tội phạm được hướng dẫn trong quá trình xét xử tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp về "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật Hình sự năm 1999*" (đã hết hiệu lực) quy định về trường hợp "hành hung để tẩu thoát" (điểm 6):

1) Phạm tội thuộc trường hợp "*hành hung để tẩu thoát*" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã,... nhằm tẩu thoát.

2) Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "*hành hung để tẩu thoát*" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.

Thực tế, có hai ba người rủ nhau đi trộm cắp tài sản, trong đó hai người vào nhà, còn một người canh, nhưng hai người ở trong lại thuộc trường hợp (2) trên và cùng bị truy cứu đã mâu thuẫn với nguyên tắc cùng tội danh trong đồng phạm, dẫn đến các khả năng sau:

Khả năng thứ nhất, đã là đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự chung - ba người (trong và ngoài) đều cùng về tội cướp tài sản. Tuy nhiên, nếu xác định nguyên tắc cùng tội danh trong đồng phạm, thì xác định tội danh cướp tài sản đối với người ngoài canh gác là không chính xác.

Khả năng thứ hai, hai người bên trong thì phạm tội cướp tài sản, người canh gác bênngoài thì tội trộm cắp tài sản; do cùng xâm phạm nhóm sở hữu, nên vẫn xem là đồng phạm. Như vậy, trong trường hợp này đồng phạm không bị triệt

tiêu, người canh gác định tội danh là trộm cắp nhưng vẫn là đồng phạm với hai người thực hiện hành vi cướp tài sản bên trong.

3.4. Phạm tội có tổ chức

Hiện nay, "phạm tội có tổ chức" chỉ được nêu ngắn gọn tại khoản 2 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015: "Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm". Kể từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 và gần đây là Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng vẫn chưa có văn bản hướng dẫn chính thức áp dụng về vấn đề này mà vẫn sử dụng hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 cũng lưu ý sự khác nhau giữa phạm tội có tổ chức và trường hợp đồng phạm (đã hết hiệu lực), vì vậy, cần có một trong các phương án xây dựng nội dung phạm trù "tội phạm có tổ chức"[18] để phân biệt với "phạm tội có tổ chức" với tư cách là một hình thức đồng phạm đặc biệt và bổ sung vào Bộ luật Hình sự.

Tóm lại, từ những kiến giải trên, tác giả cho rằng các Điều 16, 17 và một số Điều khác có liên quan đến đồng phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và tích hợp có sửa đổi, bổ sung kế thừa từ quan điểm hợp lý của một số nhà khoa học (GS. TSKH. Lê Văn Cảm, GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, PGS. TS. Trịnh Quốc Toản, PGS. TS. Trịnh Tiến Việt, TS. Trần Quang Tiệp, ThS. Đinh Văn Quế) đã dẫn ở trên [2, 4, 5, 8, 13] và từ thực tiễn áp dụng [9, 11] nên sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 16. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

1. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.

2. Người thực hành tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nhưng nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội *phạm* khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này.

3. Người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức trong vụ án đồng phạm được miễn trách nhiệm hình sự nếu họ từ bỏ ý định phạm tội, chủ động, tích cực tiến hành thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc thực hiện tội phạm đến cùng của người thực hành nên thiệt hại cho xã hội đã không xảy ra (căn cứ nội dung Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự").

Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên *đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm* cố ý cùng *tham gia vào việc* thực hiện một *hoặc nhiều* tội phạm *do cố ý*.

2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm dưới một trong những hình thức sau đây:

a) Những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội như đảng phái, hội đoàn phản động, băng ổ, nhóm có những tên chỉ huy, cầm đầu.

b) Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước;

c) Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm (căn cứ nội dung Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 khi giải thích về khoản 3 Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1985 về "Phạm tội có tổ chức").

3. Người đồng phạm là người đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm cố ý cùng tham gia vào việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm do cố ý.

Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm hoặc người gián tiếp sử dụng người chưa đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành và trường hợp chuyển hóa tội danh giữa những người đồng phạm thì không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

Điều 17a. Đồng phạm của pháp nhân thương mại

Hai hay nhiều pháp nhân thương mại cùng cố ý thực hiện một hoặc nhiều tội phạm do cố ý được coi là đồng phạm.

Trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm của pháp nhân thương mại được thực hiện trên cơ sở chung.

4. Kết luận

Trong thực tiễn, tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm luôn có khả năng gây ra hậu quả lớn cho xã hội. Vì vậy, trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng quy định về đồng phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 hiện hành, tác giả cho rằng việc tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi chế định đồng phạm là rất cần thiết, qua đó, nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án đấu tranh có hiệu quả phòng ngừa và chống tội phạm dưới hình thức đồng phạm và dạng đặc biệt của đồng phạm - "phạm tội có tổ chức". Ngoài ra, trong thời gian tới, cần có nhiều nghiên cứu tiếp tục về vấn đề trách nhiệm hình sự đồng phạm, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0. Bối cảnh này đặt ra các thách thức, đòi hỏi nghiên cứu mở rộng vấn đề đồng phạm của pháp nhân, phạm tội có tổ chức đối với pháp nhân hay đồng phạm của thực thể trí tuệ nhân tạo (AI) trong tương quan với người phạm tội [19 - 21].

Tài liệu tham khảo

[1] N. V. Nguyên, Phạm tội có tổ chức và trách nhiệm hình sự đối với bọn phạm tội có tổ chức, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 3/1997, tr. 19 - 21.

[2] L. V. Cảm, T. T. Việt, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Chương 11. Đồng phạm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023.

[3] N. D. Thuân, Vấn đề chứng minh mục đích phạm tội trong điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 01, 2004, tr. 36 - 43.

[4] T. T. Việt, 55 cặp tội danh dễ nhầm lẫn trong Bộ luật Hình sự hiện hành, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, H. 2023.

[5] T. Q. Tiệp, Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam, NXB Tư pháp, 2022.

[6] N. N. Hòa, Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác, NXB Tư pháp, 2022.

[7] T. T. Việt, Tổng quan luật hình sự Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022.

[8] Đ. V. Quế, Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015, Phần thứ nhất - Những quy định chung, NXB Thông tin Truyền thông, 2017.

[9] Án lệ số 01/2016/Al về vụ án Giết người được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[10] Đ. T. Úc, Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, 1995.

[11] Án lệ số 17/2018/AL về tình tiết "Có tính chất côn đồ" trong tội "Giết người" có đồng phạm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[12] L. V. Cảm, Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự Phần chung, Giáo trình Sau đại học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.

[13] P. H. Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không? Tạp chí Luật học, số 6, 1999, tr. 16 - 22.

[14] N. N. Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, NXB Tư pháp, 2015.

[15] Trường Đại học Luật Hà Nội (dịch), Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, NXB Công an Nhân dân, 2010.

[16] L. Cảm, Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, trong sách: Nhà nước và pháp luật

Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI, NXB Công an nhân dân, 2002.

[17] T. T. Việt, Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023.

[18] N. H. Cương, Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, thị trường tội phạm và trách nhiệm hình sự của pháp nhân: Ba vấn đề lớn phải quan tâm khi xây dựng Bộ luật Hình sự, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10 (338), tháng 5/2017, tr. 33 - 42.

[19] T. C. King, N. Aggarwal, M. Taddeo, L. Floridi, Artificial Intelligence Crime, An Interdisciplinary Analysis of Foreseeable Threats and Solutions, Science and Engineering Ethics, 2020, pp. 69 - 82.

[20] G. Hallevy, The Criminal Liability of Artificial Intelligence Entities - from Science Fiction to Legal Social Control, Akron Intellectual Property Journal, Vol.4, Iss.2, Article, 2010, pp. 171 - 219.

[21] T. T. Việt, Trách nhiệm hình sự đối với cá nhân, pháp nhân và thực thể trí tuệ nhân tạo: Quá khứ, hiện tại và viễn cảnh tương lai, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/2020, tr. 1 - 12.